

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÐ
TỈNH BÌNH PHƯỚC
Số:09/2022/QĐCNHGT-DS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bđ, ngày 03 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào điều 32, 33 ,34 và 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải tHnh của.

- *Người khởi kiện:* ông Điền Đức T, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình, huyện Bđ, tỉnh Bình
Phước

- *Người bị kiện:* ông Nguyễn Hoàn H, sinh năm: 1965

HKTT: Thôn 7, xã T Hưng, huyện Bđ, tỉnh Bình Phước

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã Tân T, huyện Bđ, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Trần Thị Thanh T, sinh năm
1959.

Địa chỉ: Khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình, huyện Bđ, tỉnh Bình
Phước

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đề ngày 01 tháng 6
năm 2022 của ông Điền Đức T, sinh năm: 1954

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 7 năm 2022, về việc
thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* ông Điền Đức T, sinh năm 1954

Địa chỉ: Khu phố Thanh Bình, thị trấn Thanh Bình, huyện Bđ, tỉnh Bình
Phước.

- *Người bị kiện:* ông Nguyễn Hoàn H, sinh năm: 1965

HKTT: Thôn 7, xã T H, huyện Bđ, tỉnh Bình Phước

Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện Bđ, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Trần Thị Thanh T, sinh năm
1959.

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn t, huyện Bđ, tỉnh Bình Phước

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải tHnh được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải
ngày 18 tháng 7 năm 2022, có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật
Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải tHnh của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 18 tháng 7 năm 2022, cụ thể như sau:

ông Nguyễn HoànH H có nghĩa vụ trả cho ông Điền Đức T và bà Trần Thị Thanh T số tiền: 2.624.000.000đ(hai tỷ sáu trăm hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hnh án có quyền chủ động ra quyết định thi Hnh án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh án xong, tất cả các khoản tiền, Hng tháng bên phải thi Hnh án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Quyết định này được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân và được thi Hnh theo quy định của pháp luật về thi Hnh án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên tham gia hòa giải;
- VKS nhân dân huyện Bđ;
- Chi cục THA DS huyện Bđ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Trương Thị Việt Nga